TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 12/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười – CB nghỉ chế độ hưu trí.
2. Ông Phan Tuấn - Phó trưởng phòng Giáo dục huyện Đ.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Hiện - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 78/2017/HSST ngày 27/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Kim Văn Đ – 01/6/1958** tại xã Y , huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ chế độ hưu trí; Học vấn: 10/10. Con ông: Kim Văn L - 1923; Con bà: Vũ Thị G – đã chết. Có vợ là Đặng Thị M - 1963và 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/8/2017 đến 06/02/2018. Có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Nông Văn C – 02/8/1982** tại xã Y , huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 3/12. Con ông: Nông Văn T – đã chết; Con bà: Đặng Thị T - 1960. Có vợ là Lương Hồng Th – 1986 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2017 đến 06/02/2018. Có mặt tại phiên toà.

- Người bị hại:

1. Nguyễn Văn Đ - 1972

Trú tại: Xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.(Vắng mặt)

2. Nguyễn Văn C - 1958

Trú tại: Xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

3. Trần Thị N - 1962

Trú tại: Xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Lương Hồng Th - 1986

Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

2. Đặng Thị T – 1960 (Có mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Vũ Đ S – 1978 đại diện chị Kim Thị D (Có mặt)

Trú tại: Xóm N, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn với ông Nguyễn Văn C – 1958 là Bí thư Chi bộ xóm Q, xã Y, trưởng ban công tác mặt trặn xóm cho rằng trong thời kỳ bà Đặng Thị M (vợ Kim Văn Đ) làm trưởng xóm có hành vi bán đất, biển thủ tiền công. Từ đó Đ nảy sinh ý định cảnh cáo, dằn mặt với ông C. Biết Nông Văn C là cháu của mình biết sử dụng chất nổ nên Đ đã gặp C nói sự bực tức và ý định nổ mìn trước cửa nhà ông C. C hỏi Đ có phải ông Cưởng trước đây làm bảo vệ mỏ than Núi Hồng không. Đ trả lời là phải. C hỏi vị trí nhà ông C và Đ đã mô tả vị trí nhà ở ông C cho C biết. C nói với Đ là mọi việc để C lo. Đ dặn C nếu thực hiện việc nổ mìn thì dùng ít thuốc nổ thôi, chỉ cần tiếng nổ trước cửa nhà và tránh việc gây thiệt hại về người và tài sản thì chọn thời điểm vào đêm khuya và lúc vắng người. Tối ngày 17/7/2017 không thấy C thực hiện việc đốt mìn nên Đ đã điện thoại hỏi C có thực hiện không thì C trả lời là có và sẽ thực hiện.

Khoảng 22h ngày 17/7/2017, sau khi ăn cơm tại nhà mẹ đẻ xong C về nhà lấy thỏi thuốc nổ cắt một phần và gắn kíp nổ và dây cháy chậm cho vào người để thực hiện việc đốt mìn vào nhà ông C. C lấy xe mô tô và áo mưa đi theo Quốc lộ 37 từ hướng từ UBND xã đi Đ. Khi đến đường rẽ vào xóm K cách nhà ông C khoảng 50m thì dừng lại quan sát và đợi khi vắng người sẽ đốt mìn nén vào nhà ông C. C đợi khoảng 30 phút. Khoảng 23h cùng ngày lúc này mọi người đã đi ngủ, đường không có người đi lại C điều khiển xe đến trước cửa nhà ông C, C dùng bật lửa đốt dây cháy chậm và ném quả mìn vào khu vực cây sữa trước cửa nhà ông C và quay đầu xe về nhà. Về đến nhà C gọi điện thoại cho Kim Văn Đ và thông báo cho Đ biết đã đốt mìn ném vào nhà ông C. Hậu quả quả mìn rơi

vào khu vực giữa nhà anh Đ và Ông C gây tiếng nổ lớn. Gia đình anh Đ và gia đình ông C sau khi nghe tiếng nổ đã phát hiện bị ném mìn nên đã báo Công an để giải quyết.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: nơi vật liệu phát nổ là trước hiên nhà anh Nguyễn Văn Đ tại xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái N. Phía Đông giáp nhà ông Huân – Nga. Phía Tây giáp nhà ông Nguyễn Văn C. Phía Bắc giáp Quốc lộ 37. Hiên nhà ông Đ có diện tích 5,30m x 1,60m lát gạch hoa. Nền sân láng xi măng.

Tại vị trí cách nép tường nhà anh Đ là 3,10m cách mép sân nhà ông C có 01 mảnh cao su màu nâu kích thước 12cm x 6cm. nhiều mảnh cao su rách vụn.

Tại vị trí cách nép tường trước nhà anh Đ 1,53m cách hiên nhà ông C 1,70m bị vỡ 01 viên gạch lát nền kích thước 30cm x 30cm.

Cách mép nhà anh Đ 2,14m, cách mép nhà ông C 2,34m có 01 mảnh ni lon bị cháy sém.

Cách nép nhà ông C 3,12m sát nép sân nhà anh Đ có 01 mảnh ni lon màu đỏ bị cháy sém.

Cách nhà ông C 7,60m và cách mép đường Quốc lộ 37 là 1,40m có 01 túi ni lon màu xanh bị cháy sém.

Tấm bạt che sân nhà anh Đ cao cáh mặt đất,10m cách tường nhà anh Đ 3,10m có 01 lỗ thủng 27cm x 23cm.

Cơ quan điều tra niêm phong 01 mảnh cao su màu nâu, 02 mảnh ni lon màu xanh, 01 mảnh ni lon màu đỏ để đem đi giám định.

Tại bản kết L giám định số 3740/C54-P2 ngày 27/7/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết L: Các mẫu vật gửi đi giám định đều tiemf thấy dấu vét của NH4NO2 là thành phần chính của Tốc nổ công nghiệp.

Tại kết luận định giá tài sản số 48a/KL-HĐĐG ngày 08/10/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định thiệt hại nhà anh Đ như sau: 01 viên gạch 30cm x30cm trị giá 13.000đ. 01 mảnh bạt dứa trị giá 60.000đ. Tổng công 73.000đ đã bao gồm cả công sửa chữa.

Tại cơ quan điều tra Nông Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 21/8/2017 Kim Văn Đ đến Công an huyện Đ tự thú.

Tiến hành khám xét nơi ở của Nông Văn C thu giữ: 01 đoạn dây chun, 03 bật lửa ga, 01 cuộn băng dính, 01 áo mưa, 01 xe mô tô BKS 34L2-0428. 02 mũ bảo hiểm và 01 vỏ bật lửa ga.

Quá trình điều tra T giữ: 01 điện thoại di động Nokia của Nông Văn C. 01 thẻ nhớ camerra của anh Lương Văn C. 01 điện thoại nokia của Kim Văn Đ. 01 điện thoại Nokia C2 của bà Đặng Thị T.

Về nguồn gốc số thuốc nổ C khai: Do đi làm quặng C nhặt được ở khu vực xã H, huyện S Dương, tỉnh Tuyên Quang đem về nhà cất dấu tại gốc cây duối trước cửa nhà .

Tại bản cáo trạng số 75/ KSĐT –HS ngày 23/11/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Kim Văn Đ và Nông Văn C về tội "Sử dụng trái phép vật liệu nổ" theo khoản 1 Điều 232 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ N quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 232; Điểm b, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999..... xử phạt các bị cáo C mức án từ 12 đến 15 tháng tù. áp dụng khoản 1 Điều 232; Điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 Điểm r, v khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 Đ sửa đổi bổ sung năm 2017..... xử phạt các bị cáo Đ mức án từ 12 đến 15 tháng tù về tội " Sử dụng trái phép vật liệu nổ". Xử lý vật chứng và buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh L tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình Đ chứng cứ nào. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2}. Về căn cứ buộc tội.

- Đ khai: Do bức xúc về việc ông Nguyễn Văn C là Bí thư Chi bộ xóm Q tố cáo vợ tôi là Đăng Thị M tham ô, tham nhũng nên bị cáo nảy sinh ý định ném mìn vào nhà ông C để cảnh cáo. Đầu tháng 7/2017 bị cáo có nói chuyện này với Nông Văn C và được C đồng ý. Khoảng 14/7/2017 bị cáo có hỏi C về việc ném mìn thì C nói là sẽ làm. Đến đêm này 17/7/2017 thì nhà ông C bị ném mìn vào cửa nhà. Đến ngày hôm sau bị cáo biết C làm việc này vì có người nói là người ném mìn đi xe máy biển kiểm soát số 34. Đây là xe của con rể bị cáo nên bị cáo hỏi thì biết C đã sử dụng xe máy đó khi vụ án xảy ra. Mục đích bị cáo ném mìn vào nhà ông C chỉ để cảnh cáo vì bị cáo nói với C là sử dụng ít thuốc nổ và ném vào đêm khuya để không gây thiệt hại về người và tài sản.

- C khai: Chiều ngày 12/7/2017 bị cáo đang ở nhà thì có chú Đ đến chơi. Khi nói chuyện chú Đ có hỏi bị cáo có mìn không. Bị cáo hỏi hiện tại thì không có nhưng cái đó kiếm được. Bị cáo hỏi lấy mìn làm gì thì chú Đ nói cảnh cáo ông C. Sau đó chú Đ nhờ bị cáo mén mìn vào nhà ông C vì bị cáo biết sử dụng nìm. Bị cáo đồng ý thì chú Đ nói là sử dụng ít thuốc nổ thôi chỉ cần tiếng nổ và tránh gây thiệt hại về người và tài sản. Ngày 14/7/2017 chú Đ vào nhà và hỏi lại chuyện ném mìn. Bị cáo trả lời là chú cứ yên tâm việc đó cháu tự lo. Sáng ngày 15/7/2017 bị cáo vào bãi quặng tìm mua mìn. Khi vào đến nơi thấy có 01 thỏi thuốc nổ, 01 kíp và đoạn dây cháy chậm nên bị cáo đem về nhà cất dấu. Khoảng 22h ngày 17/7/2017 sau khi đi uống rượu về bị cáo lấy thỏi mìn cắt lấy một phần, tra kíp và dây cháy chậm sau đó quấn băng dính thành quả mìn dấu vào

trong người và đi xe máy đến khu vực nhà ông C. Bị cáo đứng đợi khoảng 30 phút. Lúc này trời mưa, đường vắng người và mọi người đi ngủ hết. Bị cáo đến trước cửa nhà ông C đốt dây cháy chậm và ném mìn vào khu vực nhà ông C, sau đó phóng xe về nhà.

Lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, kết quả trích xuất camerra... và biên bản khám xét.

Hành vi dùng dùng vật liệu nổ ném vào nhà người dân của Kim văn Đ và Nông Văn C không nhằm mục đích gây thiệt hại về tính mạng và tài sản của người khác đã phạm tội "Sử dụng trái phép vật liệu nổ" phạm khoản 1 Điều 232 của BLHS năm 1999.

Tại Điều 232 của BLHS năm 1999 quy định

1. Người nào ... sử dụng trái phép vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{3} Về tính chất hành vi :

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng. Đe dọa đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của nhân dân và tổ chức xã hội. Do vậy chỉ có các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng mới được sử dụng theo quy trình nhất định. Mọi tổ chức, cá nhân không được phép mà sử dụng đều vi phạm pháp luật.

{6}. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Đ là người chủ mưu. Và là người khởi xướng do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo C là người thực hành tích cực.

{5}. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng TNHS thì thấy các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năm hối cải nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999. Bị cáo C được hưởng tình tiết tự nguyện bồi thường khác phục hậu quả nên Đ hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999. Bị cáo Đ đã tự ra tự thú và là người có thành tích xuất sắc trong công tác quy định tại điểm o,s khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên đây là tình tiết nhân thân cần xem xét trong quá trình nghị án.

{6}.Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, vai trò và nhân thân của các bị cáo thì thấy cần lên cho bị cáo C mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Bị cáo Đ tuy là chủ mưu nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng kể nên áp dụng Điều 47 của BLHS xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt từ 09 đến 12 tháng là phù hợp.

{7}. Về dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo C đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình anh Đ số tiền là 3.000.000đ. Nay gia đình anh Đ không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét. Đối với ông C và bà N không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

{8}.Về vật chứng: 01 xe máy BKS 34L-0428 của Vũ Đức S, khi cho C mượn S không biết C sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho S. 01 điện thoại Nokia C2-01 T giữ của chị T không liên quan vụ án nên cần hoàn trả cho chị T. 01 điện thoại Nokia 308 T giữ của bị cáo Đ, 01 điện thoại T giữ của bị cáo C cần tịch T sung công. Các vật chứng khác gồm 01 áo mưa, 02 mũ bảo hiểm, 03 bật lửa, 01 chiếc ủng, 01 cuộn băng dính, 01 đoạn dây chun, 01 vỏ bật lửa ga, 01 vỏ phong bì niêm phong cần tịch T tiêu hủy.

{9}.Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Kim Văn Đ, Nông Văn C phạm tội; "Sử dụng trái phép vật liệu nổ".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 232; Điều 53 (Điểm b,p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo C).(Điểm p, o,s khoản 1 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Đ)

Xử phạt: 1.Kim Văn Đươc: 09 tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2017 đến ngày 06/02/2018. Thời gian còn lại tính từ ngày đi thi hành án.

2.Nông Văn C: 12 tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến ngày 06/02/2018. Thời gian còn lại tính từ ngày đi thi hành án.

***Về vật chứng**: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Hoàn trả Vũ Đức S 01 xe mô tô BKS: 34L-0420. Hoàn trả Đặng Thị T 01 điện thoại Nokia C2-01.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo mưa, 02 mũ bảo hiểm, 03 bật lửa, 01 chiếc ủng, 01 cuộn băng dính, 01 đoạn dây chun, 01 vỏ bật lửa ga, 01 vỏ phong bì niêm phong.

-Tịch T sung công 02 điện thoại của bị cáo Đ và bị cáo C.(Theo QĐ C vật chứng số 55/KSĐT-AN ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ).

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Nông Văn C, Kim Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công.

Báo cho các bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái N;
- Công an huyện Đ;(3b)
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh TN
- Chi cục THADS Đ + THAHS;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long